

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hoàng Tha.

Ông Nguyễn Thanh Rục.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K; Địa chỉ: Số D - 42 - D P, V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Anh V, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ khu vực Ngân hàng thương mại cổ phần K (vắng mặt).

- Và/ hoặc bà Trương Thị Mỹ N, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khu vực – Phòng xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần K; Địa chỉ: Số D, T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc có vay vốn của Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng TMCP K) cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019.
 - Số tiền vay: 505.000.000 (Năm trăm lẻ năm triệu đồng).
 - Mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị, vật dụng sinh hoạt gia đình.
 - Giải ngân ngày: 01/8/2019.
 - Thời hạn vay: 60 tháng, ngày đến hạn 01/8/2024.

Lãi suất vay là: 11,4%/năm được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng thêm 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay).

Lãi suất quá hạn: 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay ngay thời điểm nợ quá hạn.
Mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Hình thức thanh toán: gốc + lãi 01 tháng/ lần vào ngày 01 mỗi tháng.

2. Quá trình thanh toán nợ: Kể từ ngày vay đến nay Công ty TNHH N1 thường xuyên thanh toán trễ hạn và bị nợ xấu tại Tổ chức tín dụng khác.

Tạm tính đến ngày 21/8/2023 Công ty TNHH N1 còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền cụ thể là:

- Vốn gốc: 139.500.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 9.287.5994 đồng.
- Tiền phạt chậm trả lãi: 198.969 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 2.347.1534 đồng.

Tổng cộng 151.333.721 đồng (Một trăm năm mươi một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).

Nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện Công ty TNHH N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết nội dung sau:

Buộc Công ty TNHH N1 phải trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 21/8/2023 là: 151.333.721 đồng (Một trăm năm mươi một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày

22/8/2023 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ sau đây:

- 01 Căn cước công dân tên Lê Trung V1 (bản chứng thực);
 - 01 Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 (bản chứng thực);
 - 01 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 459/KUNN (bản chứng thực);
 - 01 Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn số: 203/TB-CNST ngày 14/7/2023 (bản chứng thực);
 - 01 Bảng kê tính gốc, lãi theo hợp đồng khách hàng Công ty TNHH N1;
 - 01 Quyết định về việc ủy quyền phê duyệt, thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023 (bản chứng thực);
 - 01 Quyết định tái bổ nhiệm chức vụ đối với ông Lê Trung V1 số 21/QĐ-HĐQT ngày 30/6/2023;
 - 01 Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP K số 216/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2021;
 - 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1700197787 (bản chứng thực);
 - 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2200702472 (bản chứng thực);
 - 01 Quyết định ủy quyền số 3757/QĐ-NHKL ngày 19/9/2023.
- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn: vắng mặt.***

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về Công ty TNHH N1:

+ Theo kết quả xác minh ngày 11/01/2024 Công ty TNHH N1 vào địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện tại trên thửa đất số 994, tờ bản đồ số 2, ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng không còn Công ty TNHH N1 hoạt động và địa phương không rõ công ty đã di chuyển đi địa chỉ nào.

+ Văn bản số 351/SKHĐT-ĐKKD ngày 05/02/2024 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh S xác định Công ty TNHH N1 đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bị cưỡng chế về quản lý thuế (kèm theo: Quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 09/11/2022 (Sao y) và Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ngày 24/01/2022 (Sao y);

*** Tại phiên tòa hôm nay,**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ N xác định xác định Ngân hàng thương mại cổ phần K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 139.500.000 đồng và lãi trong hạn tạm tính đến ngày 10/5/2024 là 15.341.062 đồng, lãi chậm trả là 1.109.440 đồng và lãi quá hạn là 15.857.926 đồng. Tổng số tiền là 171.808.428 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Xác định nội dung mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị, vật dụng sinh hoạt gia đình được ghi trong đơn khởi kiện là không chính xác. Theo Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 xác định mục đích vay là mục đích thanh toán chi phí mua xe ô tô. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định nguyên đơn thay đổi yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi là chưa chính xác với nội dung của hợp đồng tín dụng mà xác định lãi chậm trả mới chính xác. Qua tài liệu chứng cứ Tòa án thông báo xác định Công ty TNHH N1 bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu chủ sở hữu doanh nghiệp là ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoảng nợ trên theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH N1 và vắng mặt.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đối với nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: đã thực hiện quyền nghĩa vụ đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến thời điểm này chưa thực hiện đúng, đủ quyền nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 ; khoản 1 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 91; khoản 1 và khoản 2 Điều 95; Luật Tố chức tín dụng; Điều 7 và Điều 13 Nghị quyết 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn có trách nhiệm trả cho ngân hàng tính đến ngày 10/5/2024 với số tiền 171.808.428 đồng (gồm: vốn 139.500.000 đồng, lãi trong hạn 15.341.062 đồng, lãi chậm trả 1.109.440 đồng, lãi quá hạn 15.857.926 đồng) và còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết tính từ ngày 11/5/2024 cho đến ngày trả xong nợ gốc.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại phần tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có đơn khởi kiện buộc Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc phải trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 10/5/2024 tổng số tiền là 171.808.428 đồng (Bao gồm: số tiền nợ gốc là 139.500.000 đồng và lãi trong hạn là 15.341.062 đồng, lãi chậm trả là 1.109.440 đồng và lãi quá hạn là 15.857.926 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ theo Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 với mục đích vay là thanh toán chi phí mua xe ô tô được xác định tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau vì mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có đơn khởi kiện buộc Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án xác định bị đơn là Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Tuy nhiên quá trình thu thập tài liệu chứng cứ đã xác định vào ngày 09/11/2022, Trưởng Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh S đã ban hành Quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH N1. Căn cứ điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự quy định:

“ ...

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

... ”

[1.2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể thu thập được tài liệu chứng cứ liên quan đến việc Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc đã bị giải thể hay chưa. Nhưng đối chiếu với quy định được viện dẫn nêu trên Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc thuộc trường hợp bị giải thể.

[1.2.2] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (mã số doanh nghiệp B đăng ký lần đầu ngày 14/8/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14/01/2019 chuyển đổi từ DNTN Nông sản H) có thông tin về chủ sở hữu là ông Trần Văn T, sinh năm 1972 có địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là ông Trần Văn T, sinh năm 1972 có địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.4] Xét về xác định lại nội dung trong yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tại phiên tòa về nội dung của mục đích vay là thanh toán chi phí mua xe ô tô cũng như thay đổi yêu cầu tiền phạt lãi chậm trả bằng lãi chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K1 Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh S và Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng với số tiền vay là 505.000.000 đồng với

mục đích vay là thanh toán chi phí mua xe ô tô với thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 01/8/2024.

[2.2] Xét về quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng từng lần số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh S và Công ty TNHH N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Theo thỏa thuận về số tiền, mục đích và thời hạn vay các bên đều thống nhất về số tiền số tiền vay là 505.000.000 đồng với mục đích vay là thanh toán chi phí mua xe ô tô với thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Theo đó các bên cũng xác định lãi suất thỏa thuận 11,4%/năm được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng thêm 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất quá hạn: 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay ngay thời điểm nợ quá hạn. Lãi suất lãi chậm trả: 10%/năm. Ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 01/9/2019. Theo cung cấp của nguyên đơn xác định bị đơn số tiền nợ gốc tính đến ngày 01/3/2023 và đến ngày mở phiên tòa là: 139.500.000 đồng cùng với lãi thỏa thuận chưa thanh toán.

[2.2.2] Theo quy định tại Điều 9 của hợp đồng các bên đã thỏa thuận việc Ngân hàng thương mại cổ phần K được quyền ngưng giải ngân và/ hoặc thu hồi nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ các khoản phải trả khi bên vay (bên B) vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ và đúng các thỏa thuận ... Đối chiếu theo nội dung trên, Bị đơn Công ty TNHH N1 đã vi phạm các kỳ thanh toán nợ gốc, lãi từ ngày 01/3/2023 cho đến nay.

[2.2.3] Vì vậy việc nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 139.500.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019 cùng với lãi phát sinh theo thỏa thuận là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3] Về tài sản thế chấp do nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K kiện Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Căn cứ quy định về các trường hợp và điều kiện doanh nghiệp bị giải thể theo quy định tại Điều 207 của Luật doanh nghiệp có hiệu lực ngày 01/3/2022 nên Hội đồng xét xử xác định ông Trần Văn T, sinh năm 1972 có địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Do đó Hội đồng xét xử cần tuyên buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 171.808.428 (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm lẻ tám nghìn bốn

trăm hai mươi tám) đồng (Bao gồm: số tiền nợ gốc là 139.500.000 (Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng và lãi trong hạn là 15.341.062 (Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng, lãi chậm trả là 1.109.440 (Một triệu một trăm lẻ chín nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và lãi quá hạn là 15.857.926 (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ theo Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019. Kể từ ngày 11/5/2024 ông Trần Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vì vậy lãi suất mà ông Trần Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K buộc Công ty TNHH N1 do ông Trần Văn T, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc được chấp nhận nên không phải chịu án phí và ông Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 và 5 Điều 466 của Bộ luật sự năm 2015; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 207 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

1/ Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền là 171.808.428 (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm lẻ tám nghìn bốn trăm hai mươi tám) đồng (Bao gồm: số tiền nợ gốc là 139.500.000 (Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng và lãi trong hạn là 15.341.062 (Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn, không trăm sáu mươi hai) đồng, lãi chậm trả là 1.109.440 (Một triệu một trăm lẻ chín nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và lãi quá hạn là 15.857.926 (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ theo Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019.

2/ Kể từ ngày 11/5/2024 ông Trần Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong Hợp đồng tín dụng số 459/19/HĐTD/2100-8377 ngày 01/8/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vì vậy lãi suất mà ông Trần Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời điểm thanh toán.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.783.343 (Ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000602 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú.

- Buộc ông Trần Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 8.590.421 (Tám triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi một) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc